

HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIÀN VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ NGUYỆT

394.269 597 75

ĐC

L 250 H

**LỄ HỘI CẦU AN, CẦU SIÊU
CỦA NGƯỜI HOA Ở ĐỒNG NAI**



NHÀ XUẤT BẢN MỸ THUẬT

LỄ HỘI CẦU AN, CẦU SIÊU CỦA NGƯỜI HOA Ở ĐỒNG NAI

394.269.597.75

1.850.11

HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIÀN VIỆT NAM
NGUYỄN THỊ NGUYỆT

LỄ HỘI CẦU AN, CẦU SIÊU
CỦA NGƯỜI HOA Ở ĐỒNG NAI

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

2020/BC/VV 001657

NHÀ XUẤT BẢN MỸ THUẬT

152539

**DỰ ÁN CÔNG BỐ, PHỎ BIÊN
TÀI SẢN VĂN HÓA, VĂN NGHỆ DÂN GIAN
VIỆT NAM**

(E1, Ngõ 29, Tạ Quang Bửu - Bách Khoa - Hà Nội
Điện thoại: (04) 3627 6439; Fax: (04) 3627 6440
Email: duandangian@gmail.com)

BAN CHỈ ĐẠO

1. GS. TSKH. TÔ NGỌC THANH	<i>Trưởng ban</i>
2. ThS. HUỖNH VĨNH ÁI	<i>Phó Trưởng ban</i>
3. GS.TS. NGUYỄN XUÂN KÍNH	<i>Phó Trưởng ban</i>
4. Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG	<i>Ủy viên</i>
5. TS. ĐOÀN THANH NÔ	<i>Ủy viên</i>
6. TS. TRẦN HỮU SƠN	<i>Ủy viên</i>
7. Ông NGUYỄN KIỂM	<i>Ủy viên</i>
8. Nhà giáo NGUYỄN NGỌC QUANG	<i>Ủy viên</i>
9. ThS. VŨ CÔNG HỘI	<i>Ủy viên</i>
10. Ông TRƯƠNG THANH HÙNG	<i>Ủy viên</i>

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG DỰ ÁN
TS. ĐOÀN THANH NÔ

LỜI GIỚI THIỆU

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (VNDGVN) là một tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, nằm trong khối Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam.

Quyết định số 82/NV, ngày 01/03/1967 của Bộ Nội vụ thay mặt Chính phủ đã cho phép Hội Văn nghệ dân gian thành lập và hoạt động trên phạm vi toàn quốc và có mối liên hệ nghề nghiệp với các tổ chức khác ở trong nước và nước ngoài.

Tôn chỉ mục đích của Hội là **“Sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến và truyền dạy vốn văn hóa - văn nghệ dân gian các tộc người Việt Nam”**. Trên cơ sở thành quả của các công việc trên, Hội là một trong những đội quân chủ lực góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa - văn nghệ mang đậm bản sắc dân tộc đã được ông cha ta sáng tạo và giữ gìn trong suốt mấy nghìn năm của lịch sử dân tộc.

Những giá trị sáng tạo đó thể hiện mối quan hệ của các tộc người Việt Nam với thiên nhiên thông qua các tri thức sản xuất nông nghiệp; với xã hội thông qua phong tục tập quán, hội xuân; với nhân sinh quan thông qua các nghi lễ vòng đời người; với vũ trụ và thế giới tự nhiên đã được siêu nhiên hóa thông qua các loại hình tín ngưỡng tôn giáo; với lý tưởng thẩm mỹ thông qua các sáng tạo văn học nghệ thuật. Ở mỗi tộc người Việt Nam, những lĩnh vực và hình thái văn

hóa - văn nghệ này lại được thể hiện trong một sắc thái riêng. Chính kho tàng văn hóa đa dạng đó là nội dung, là đối tượng hoạt động của hội viên Hội VNDGVN.

Sau gần 50 năm hoạt động, được sự lãnh đạo của Đảng và sự chăm sóc của Nhà nước, Hội VNDGVN đã lớn mạnh với trên 1.200 hội viên. Số công trình do hội viên của Hội đã hoàn thành lên đến 5.000 công trình, hiện đang được lưu giữ và bảo vệ tại Văn phòng Hội.

Được sự quan tâm của Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ, Dự án “Công bố và phổ biến tài sản văn hóa - văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam” đã được phê duyệt. Trong giai đoạn I (2008-2012), Dự án đã xuất bản 1.000 công trình, tác phẩm văn hóa - văn nghệ dân gian các dân tộc; Giai đoạn II (2013-2017), Dự án sẽ tiếp tục công bố thêm 1.500 công trình nữa.

Hy vọng, các xuất bản phẩm của Dự án sẽ cung cấp cho bạn đọc trong và ngoài nước một bộ sách mang tính chất bách khoa thư về các sắc màu văn hóa của các tộc người Việt Nam, phục vụ thiết thực vào việc tra cứu, mở rộng hiểu biết của bạn đọc về truyền thống văn hóa giàu có và độc đáo đó; góp phần xây dựng nền “văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Dự án mong nhận được ý kiến chỉ bảo kịp thời của bạn đọc gần xa.

Xin chân thành cảm ơn!

Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện Dự án
GS.TSKH. Tô Ngọc Thanh

Chương 1

NGƯỜI HOA Ở ĐỒNG NAI VÀ LỄ HỘI CẦU AN, CẦU SIÊU: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HOA Ở ĐỒNG NAI

Đồng Nai là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, diện tích 5.862,73km², phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương và Bình Phước, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và phía Tây giáp thành phố Hồ Chí Minh.

Dân số Đồng Nai là 2.218.900 người (năm 2005), mật độ dân số phân bố chủ yếu ở thành phố Biên Hòa và các trục lộ giao thông chính¹. Cư dân ở Đồng Nai là cộng đồng

¹ Số liệu năm 2005. Công trình này là luận văn Thạc sĩ của tác giả. Vì vậy tác giả không điều chỉnh số liệu mới để đảm bảo tính nguyên vẹn của công trình tại thời điểm đã được công bố. Còn dân số tỉnh Đồng Nai tính đến năm 2011 là 2.665.100 người, mật độ dân số đạt 451 người/km².

đa tộc người, đa văn hóa. Đồng Nai hiện có trên 40 dân tộc sinh sống, trong đó người Việt đông nhất (chiếm 91,4%). Các dân tộc ít người như Châu Ro, Mạ, Xtiêng, Cơ Ho là dân tộc bản địa. Người Hoa là dân tộc đông thứ hai sau người Việt, dân số người Hoa năm 2005 là 114.189 người (chiếm tỉ lệ 5,14%)¹.

Lịch sử di dân của người Hoa vào vùng đất Nam Bộ bắt đầu từ cuối thế kỷ XVII. Khởi đầu là cuộc nhập cư xin thần phục Nam Triều năm 1679 của đoàn tướng binh di thần nhà Minh là Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch đem theo 3.000 người đi trên 50 chiếc thuyền vào Đàng Trong, sau đó định cư tại Bàn Lân (cù lao Phố - Biên Hòa) [41, tr.8-10]. Trần Thượng Xuyên (tức Trần Thắng Tài) nguyên là Tổng Binh trấn thủ các châu Cao, Lôi, Liêm và phó tướng là Trần An Bình cùng với tướng Dương Ngạn Địch, nguyên là Tổng Binh trấn thủ các địa phương thủy lục ở Long Môn tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) cùng với phó tướng là Hoàng Tấn. Đây là nhóm người Hán trung thành với nhà Minh, không chịu thần phục nhà Mãn Thanh nên đã nổi dậy phát cờ "bài Mãn,

¹ Dân số người Hoa tỉnh Đồng Nai tính đến ngày 01/4/2009 là 95.162 người, là tộc người có dân số giảm so với trước kia với nhiều nguyên nhân.

phục Minh" nhưng bất thành nên trốn chạy xuống phía Nam xin nhập cư vào đất Đàng Trong.

Nhóm người này được chúa Nguyễn chấp nhận cho vào khai khẩn xứ Đồng Nai hoang vu, cho các tướng lãnh y chức cũ, phong thêm quan tước mới. Họ được các tướng Văn Trinh, Văn Chiêu hướng dẫn; binh thuyền tướng sĩ Long Môn của Dương Ngạn Địch, tiến vào cửa Lôi Lạp, theo cửa Đại, cửa Tiểu, đến định cư ở Mỹ Tho. Còn binh tướng sĩ Cao, Lôi, Liêm của Trần Thượng Xuyên và Trần An Bình tiến vào cửa biển Cần Giờ rồi lên định cư ở Bàn Lân, xứ Đồng Nai (vùng Biên Hòa ngày nay).

Địa bàn Đồng Nai lúc bấy giờ đã có người Việt đến ở, họ khẩn hoang lập làng định cư rải rác từ Mũi Xuy (Bà Rịa) đến Nhơn Trạch, Long Thành, Biên Hòa... và tại cù lao Phố. Lóp người Việt đến sớm nhất, đa số có nguồn gốc từ Trung bộ. *"Lúc bấy giờ, tại xứ Nông Nại đã có số ít người Việt đến từ Đàng Ngoài, do công chúa Ngọc Vạn (con gái Sãi Vương) gả hôn với vua Chân Lạp Chey Chetta II, mở đường Nam tiến từ năm 1623, cho vào ở với Lạp man và thổ Châu Mạ, rải rác theo rừng thưa chồi rậm, đầm ao sinh lầy, sống mộc mạc, gần như du mục, bằng cách bắn chim săn thú, trồng rẫy tía lúa, hầm than, nuôi tằm hoặc*

giăng câu bùa lưới, theo ven sông Phước Long" [78, tr.5]. Nhóm người Hoa do Trần Thượng Xuyên dẫn đầu đến định cư ở Biên Hòa - Đồng Nai bao gồm những binh lính, thương nhân và số quý tộc phong kiến cùng gia quyến của họ. Số người Hoa ở Bàn Lân là một bộ phận trong số 3.000 người Hoa di tản sang Việt Nam vào năm 1679. Nhóm người Minh ở Đồng Nai thành lập Thanh Hà xã.

Sau cuộc nội chiến giữa quân khởi nghĩa Tây Sơn và Nguyễn Ánh (1776), phần đông người Hoa ở Biên Hòa di dân về trấn Phiên An, định cư tại Sài Gòn - Chợ Lớn [2, tr.9], [65, tr.51], [117, tr.17].

Từ thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XX, nhiều nhóm người Hoa thuộc các bang Hải Nam, Triều Châu, Quảng Đông rải rác di cư sang Việt Nam, số đông định cư tại Nam kỳ, tổ chức xã hội theo từng bang. Họ là những thương nhân, thợ thủ công truyền thống và chủ yếu là những người lao động đi tìm đất sống vì tình hình khủng hoảng kinh tế và chính trị ở Trung Quốc đến lập nghiệp tập trung tại các thị tứ, thị trấn ở Sài Gòn và các tỉnh trong đó có Đồng Nai (tỉnh Biên Hòa).

Ngày 28 tháng Hai năm 1948, chính phủ Pháp và chính quyền Tưởng Giới Thạch ký thỏa ước Trùng Khánh dành cho Hoa kiều quy chế tối huệ quốc. Ở Việt Nam, Cao ủy

Pháp lập lại Sở Tân Đáo, truyền lệnh cho các tỉnh thực hiện việc thu thuế và cấp thẻ lương niên đối với Hoa kiều. Đến tháng Tám năm 1948, các bang của người Hoa được cải tổ thành Lý sự hội Trung Hoa.

Trong giai đoạn này, số người Hoa đến Biên Hòa sinh sống và cư trú ở các địa bàn: Phước Thiện (huyện Nhơn Trạch), thị trấn Long Thành, vùng Bến Gỗ (huyện Long Thành), địa bàn Bến Cá (huyện Vĩnh Cửu), thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa. Về sau, do ảnh hưởng điều kiện kinh tế, xã hội, nhóm người Hoa này sinh sống tập trung đông tại thành phố Biên Hòa và một bộ phận ở thị xã Long Khánh.

Từ 1954-1975, số lượng người Hoa di dân đến Đồng Nai tiếp tục gia tăng vì thiên nhiên Đồng Nai còn khả năng khai phá. *"Đây là đợt di dân lớn nhất quy định số người Hoa hiện có ở Đồng Nai"* [111, tr.1]. Người Hoa đến Đồng Nai sau năm 1975 là 3.331 hộ với 17.647 khẩu.

Nhìn chung, người Hoa nhập cư ở Đồng Nai phân bố theo điều kiện kinh tế xã hội. *"Các lớp người Hoa vùng Quảng Đông, Phúc Kiến nhập cư, giỏi nghề buôn bán sinh sống tại các thị tứ; người Triều Châu, người Hẹ có truyền thống nghề rẫy khai thác các vùng trung du ở Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc..."* [32, tr. 34].

Theo thống kê dân số ngày 01/4/1999, thì tổng số người Hoa ở Đồng Nai là 102.906 người, là địa phương có người Hoa đông thứ hai ở Nam Bộ (chỉ sau thành phố Hồ Chí Minh). Người Hoa có mặt hầu hết tại các đơn vị phường, xã, thị trấn của các huyện, thành phố thuộc địa bàn Đồng Nai.

Tại các huyện, phần lớn là cộng đồng người Hoa đến từ sau năm 1954:

- Huyện Định Quán có số người Hoa đông nhất tỉnh với 32.617 người; tập trung nhiều ở các khu vực: xã Phú Lợi, xã Phú Vinh, xã Phú Tân, xã Thanh Sơn và xã Phú Túc.

- Huyện Thống Nhất đứng hàng thứ hai với 21.635 người; tập trung ở các xã như: xã Bàu Hàm, xã Sông Thao, xã Cây Gáo, xã Thanh Bình và xã Sông Trầu.

- Huyện Xuân Lộc có 19.313 người; tập trung tại các xã: Bảo Bình, Xuân Tây, Lang Minh và Xuân Bảo.

- Huyện Long Khánh¹ có 10.558 người; trong số này có một bộ phận đến cư trú vào những năm 1940-1945. Các

¹ Tháng 1/2004, Đồng Nai có sự thay đổi về đơn vị hành chính: huyện Long Khánh nâng lên thành thị xã; thành lập huyện Cẩm Mỹ; huyện Thống Nhất tách thành hai huyện Thống Nhất và Trảng Bom.

địa bàn tập trung đông đảo là: thị trấn Xuân Lộc, xã Bình Lộc và xã Nhân Nghĩa.

- Huyện Tân Phú có 8.877 người; các địa bàn tập trung đông đảo người Hoa là thị trấn Tân Phú, xã Phú Bình và xã Phú Lộc.

- Thành phố Biên Hòa có 6.131 người Hoa. Trong số này, hầu hết là những người đến khoảng thế kỷ XVIII, XIX, sinh sống hầu hết tại địa bàn xã, phường và mỗi nhóm đều có cơ sở tín ngưỡng chung cũng là hội quán của cộng đồng. Nhóm cộng đồng người Hoa đến sau năm 1954 cư trú chủ yếu tại địa bàn phường Tân Phong và Bình Đa.

Ba huyện Long Thành, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch dân số người Hoa thấp trong tỉnh; trong đó huyện Nhơn Trạch thấp nhất (373 người). Huyện Long Thành có 1.771 người, huyện Vĩnh Cửu có 1.631 người. Tại địa bàn Vĩnh Cửu không có cơ sở tín ngưỡng của người Hoa.

Trên toàn tỉnh Đồng Nai, hai xã không có người Hoa cư trú là: xã Gia Tân I (huyện Thống Nhất) và xã Bình Hòa (huyện Vĩnh Cửu).

Như vậy, qua khảo sát và theo nhiều cứ liệu cho thấy nổi lên các giai đoạn chính trong quá trình hội nhập của người Hoa trên địa bàn Đồng Nai.

- Giai đoạn từ cuối thế kỷ XVII cho đến trước năm 1954: Đây là giai đoạn mà các nhóm người Hoa từ Trung Quốc sang với nhiều đợt rải rác. Hầu hết, số người Hoa này từ các tỉnh vùng Hoa Nam, Trung Quốc đến Nam Bộ bằng đường biển, sau đó định cư nhiều nơi, trong đó có địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Giai đoạn từ giữa thế kỷ XX đến sau ngày đất nước thống nhất (từ năm 1954 đến năm 1985), có thêm một số đợt người Hoa từ các tỉnh ở miền Bắc và Nam bộ di dân đến địa bàn tỉnh Đồng Nai. Người Hoa ở miền Bắc di dân tự do. Một bộ phận người Hoa từ thành phố Hồ Chí Minh giãn dân theo chính sách “kinh tế mới”.

Sự có mặt của cộng đồng người Hoa bên cạnh người Việt đã góp phần tạo nên diện mạo phong phú cả về kinh tế và văn hóa Đồng Nai ở vùng miền Đông Nam bộ suốt hơn 300 năm qua.

1.2. KHÁI QUÁT CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ - VĂN HÓA - XÃ HỘI CỦA NGƯỜI HOA Ở ĐỒNG NAI

1.2.1. Kinh tế

Buổi đầu định cư ở Bàn Lân (Biên Hòa), người Hoa khai phá rừng, chặt đốn cây, khai thông nguồn nước, mở

mang đường sá, bắt đầu tạo lập cuộc sống mới. Họ thấy cù lao Phố là địa bàn thuận lợi cho việc buôn bán và giao thương hàng hóa vì đây là một cù lao đất đai phì nhiêu ở hạ nguồn sông Đồng Nai, tàu thuyền ra vào rất dễ dàng, thuận lợi cho cư trú, canh tác và giao thông. Những người Hoa theo Trần Thượng Xuyên đã xây dựng cù lao Phố trở thành trung tâm thương mại gọi là Nông Nại Đại Phố, một trong những thương cảng lớn nhất miền Đông Nam Bộ lúc bấy giờ, thu hút các thương nhân từ Trung Hoa và các nước khác đến. Hình thức buôn bán ở cù lao Phố là xuất nhập khẩu, có nhiều kho hàng hóa dự trữ. Trịnh Hoài Đức đã mô tả về quang cảnh buôn bán sầm uất tại cù lao Phố như sau: *"Xưa nay thuyền buôn đến đây hạ neo xong thì lên bờ thuê phố ở, rồi đến nhà chủ mua hàng, lại đẩy kê khai những hàng hóa trong thuyền và khuôn cất lên, thương lượng giá cả; chủ mua hàng định giá mua bao tất cả những hàng hóa tốt xấu, không bỏ sót lại thứ gì. Đến ngày trương buồm trở về, gọi là hồi đường, chủ thuyền có yêu cầu mua giúp vật gì, thì người ấy cũng chiếu y ước - đơn mua dùm chờ đến trước ký giao hẹn, hai bên chủ khách đối chiếu tính hóa đơn thanh toán rồi cùng nhau đờn ca vui chơi, đã được nước ngọt tắm rửa sạch sẽ, lại không lo sợ trùng hà ăn lũng ván thuyền, khi về lại chờ đầy thứ hàng khác rất là thuận lợi"* [41, tr.22].

2020/ĐC/VV

001657

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

Trong hoạt động thương mại, giao dịch của cù lao Phố và vai trò của các thương nhân người Hoa đã chiếm vị trí quan trọng, chi phối hầu hết các mặt hàng nhập và xuất khẩu, quan trọng hơn hết là có chỗ tồn trữ hàng hóa và địa bàn phân phối hàng hóa.

Nguồn xuất khẩu chính ở thương cảng cù lao Phố là lúa gạo; kế đến là gỗ quý dùng để đóng tàu thuyền, xây dựng nhà cửa, đình chùa; hàng lâm sản như ngà voi, sừng tê giác, gạc nai, sáp ong, mật ong; hàng nông sản như trà, đường mía, chuối, xoài; hải sản như tôm càng, cá, sò huyết, cua...; các loại hàng thủ công mỹ nghệ bằng vàng bạc, đồ gốm, chiếu... Những mặt hàng này rất được các chủ hàng ưa chuộng.

Nguồn hàng nhập khẩu vào cù lao Phố phổ biến là hàng sứ Trung Quốc (đặc biệt đồ sứ đời Thanh), tơ lụa, vải bố, thuốc bắc, các loại dược phẩm, đồng đúc chuông, gạch ngói trang trí, vật liệu xây dựng chùa miếu, các loại nhang đèn, giấy tiền, vàng bạc...

Các tàu buôn đến cù lao Phố chủ yếu từ phương Tây, Nhật Bản, Mã Lai, Trung Hoa... trong đó tàu buôn của thương nhân Trung Hoa đóng vai trò quan trọng vì vào thế kỷ XVIII: *"Khách hàng chính của cù lao Phố cũng như của các thương cảng Đàng Ngoài và Đàng Trong là người*

Trung Hoa. Trong điều kiện mà giao dịch buôn bán giữa hai nước là nếp cũ từ lâu đời, thì các thương nhân Hoa kiều có vai trò quan trọng trong lĩnh vực kinh tế ở các địa điểm giao lưu, trong đó có cù lao Phố được coi như một cảng trên sông" [5, tr.86].

Nông Nại Đại phổ hình thành như một cảng sâu trong nội địa (cách biển khoảng 100km) nhờ đặc điểm địa lý tối ưu và yêu cầu thực tế, trong đó có vai trò trọng yếu của thương nhân người Hoa thời kỳ đầu khai phá. Nền kinh tế hàng hóa ở cù lao Phố mạnh nhất trong thời gian từ cuối thế kỷ XVII (sau năm 1698) đến khoảng thời gian từ năm 1738-1775. Năm 1776, cù lao Phố bị tàn phá do cuộc nội chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh. *"... Từ đấy, chỗ này biến thành gò hoang, sau khi trung hưng, người ta tuy có trở về nhưng dân số không được một phần trăm lúc trước"* [43, tr.114].

Người Hoa làm đủ mọi nghề như mở tiệm ăn, kinh doanh quán trọ, quán cà phê, tiệm چاپ pho (tạp hóa), buôn bán vật, buôn đồ sắt, xây dựng, cơ khí, làm nông nghiệp, tái chế nhựa, ve chai, lò da, dệt vải, chế biến trà, làm bánh mứt, gán nhuộm rong, trồng răng, nghề may mặc... Người Hoa ở thành thị, ngoài buôn bán, còn thành thạo nghề thủ công. Người Hoa nhóm Quảng Đông làm

gạch gốm hình thành nên làng gốm Tân Vạn; người Hoa nhóm Hẹ làm nghề thuốc bắc, đục chạm đá ở Bửu Long, lập nên làng điêu khắc đá Bửu Long, số hộ còn làm nghề đá đến nay rất ít (khoảng 10 hộ). Số người Hẹ đến Đồng Nai sau năm 1954 định cư ở vùng trung du Định Quán, Tân Phú làm nông nghiệp, làm rẫy, trồng đậu nành, thuốc lá, bắp...

Người Hoa vốn rất chịu khó, cần cù, chăm chỉ làm ăn. Thời kỳ đầu mới tới, nhiều người chỉ có đôi quang gánh, sẵn sàng làm đủ mọi nghề, mọi việc nặng nhọc. Nhờ siêng năng, chăm chỉ, đặc biệt được sự giúp đỡ của những người đồng hương, lần hồi họ tích lũy vốn liếng và nhiều kinh nghiệm trong làm ăn, buôn bán trở nên khá giả, một số ít trở nên giàu có. *"Các thương nhân ở tỉnh Biên Hòa phần lớn là người Hoa, có quan hệ chặt chẽ với các đại gia ở Chợ Lớn. Họ là những mắt xích trung gian của guồng máy thương mại có tổ chức chặt chẽ của người Hoa ở Nam kỳ, mỗi sáng thường tụ hội ở một số quán để trò chuyện, trao đổi định giá mua bán hàng hóa từng ngày. Nếp sinh hoạt này duy trì đến sau ngày giải phóng (30-4-1975)"* [35, tr.215].

Người Hoa từ miền Bắc di cư vào sau năm 1954 vốn là nông dân, tập trung ở vùng nông thôn chuyên nghề làm

rẫy, trồng lúa, các loại đậu nành, đậu xanh, bắp, thuốc lá, chuối, đu đủ... Di dân đến Đồng Nai, họ có xu hướng chọn khu vực từ cây số 118 đến 125 trên quốc lộ 20 thuộc khu vực huyện Định Quán và huyện Tân Phú, vì đây là vùng đồi núi thấp, đất đỏ bazan thích hợp trồng các loại cây ngắn ngày, thích hợp với nghề nông truyền thống của họ trước đây ở miền Bắc. Người Hoa đến đây phá rừng làm rẫy, tạo lập cuộc sống trên quê hương mới. Nhờ cần cù lao động, họ tích lũy được kinh nghiệm sản xuất, chuyên canh hai loại cây thích hợp là đậu nành và cây thuốc lá, đem lại lợi nhuận cao. Công cụ lao động của họ trước đây đơn giản với chiếc cuốc bàn lưỡi to dùng để lật đất và làm cỏ ở nơi đất đỏ xen lẫn đá cứng. Về sau, những người Hoa do làm ăn khá giả đã dần dần mua máy cày để canh tác, đến cuối vụ xe máy cày được dùng để chuyên chở sản phẩm thu hoạch.

Những năm gần đây, nhiều nông dân người Hoa tập trung phát triển canh tác cây cà phê, vườn tiêu và vườn điều ở nhiều nơi trong tỉnh. Nhiều hộ trở nên giàu có nhờ biết tính toán làm ăn đúng thời vụ.

1.2.2. Văn hóa

Đời sống văn hóa của người Hoa thể hiện trên nhiều mặt: nhà ở, ăn uống, trang phục, phong tục tập quán, tín

ngưỡng tôn giáo, lễ hội... rất phong phú với những sinh hoạt đặc trưng về văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của tộc người ở vùng đất Nam Bộ.

Nhà ở của người Hoa là nhà trệt kiến trúc ba gian, vách bằng gỗ hoặc xây tường, mái lợp ngói hoặc tôn. Ở phố, do diện tích chật hẹp, người Hoa thường làm nhà một gian có gác: tầng trệt để buôn bán, gác để ở. Trong nhà ngăn nhiều phòng và bày biện nhiều đồ đạc, vì vậy nhà ở trông rất chật chội, kém mỹ quan.

Nhà của người Hẹ ở Biên Hòa chủ yếu là nhà trệt, mái lợp ngói âm dương, cột kê trên đá tán vuông hoặc chôn ngay xuống đất. Bếp nằm phía sau nhà ở. Nhà dựng sát vách nhau (kiểu liên kế), dài và hẹp như cái ống (mặc dù ngày xưa đất không hạn hẹp). Trong nhà người Hẹ, khoang ngoài cùng thường bày một bên là bộ bàn ghế tiếp khách, bên kia kê bộ ván hay giường cho người lớn tuổi.

Nhà người Hoa bài trí bàn thờ Tổ tiên ở nơi trang trọng nhất với chiếc lư hương, cặp chân đèn và bài vị. Bàn thờ thổ địa, thần tài đặt cùng một tran nhỏ sát mặt đất. Có nhà thờ Cửu thiên Huyền nữ, Quan thánh Đế quân, Phật bà Quan Âm, Ông Địa và thần Tài... Điểm đặc biệt trong trang trí ngôi nhà người Hoa là tục dán giấy đỏ trước cửa nhà. Mỗi dịp tết đến, người Hoa thường trang hoàng nhà

cửa, dán giấy đỏ, treo tranh vẽ hoặc chiếc gương soi bên ngoài với một số kiêng kỵ trừ tà ma, cầu may mắn tốt lành.

Trước đây nhà người Hoa được cất thành dãy phố sống tập trung ở một khu vực theo từng nhóm phương ngữ. Ở Biên Hòa, các phố người Hoa sống tập trung như: chợ Biên Hòa, khu phố 10 đường Hùng Vương, khu vực chợ cù lao Phố, khu vực làng đá phường Bửu Long, khu vực làm gốm phường Tân Vạn, khu vực chợ Phúc Hải phường Tân Phong. Ngày nay, người Hoa sống xen kẽ với người Việt, vì vậy nhà người Hoa được xây dựng theo lối kiến trúc giống nhà người Việt chỉ khác ở trước cửa nhà người Hoa có dán giấy hồng điều màu đỏ chữ nhũ vàng. Các nhà buôn dán miếng giấy trước cửa ra vào thờ Thổ công, hàng tháng cúng cô hồn vào hai lần vào ngày mùng hai và mười sáu âm lịch.

Ẩm thực của người Hoa chủ yếu là món mì sợi, hủ tiếu, vằn thắn. Nước chấm phổ biến là xì dầu. Buổi tối thường ăn cháo trắng với hột vịt muối, cải muối chua, muối mặn, đậu hũ... Các loại rượu ngâm với thuốc bắc cũng được người Hoa ưa chuộng. Mừng một Tết, các gia đình người Hẹ đều ăn chay với các món ăn truyền thống như rau, đậu hũ, nấm mèo... Đồ cúng là trà, trái cây. Người Hẹ ít nấu xôi chè như người Việt. Đặc sản của người Hẹ Bửu Long là bánh *dính*

bần làm bằng bột gạo tẻ pha một ít bột nếp trộn với bột lá mơ lông. Khi làm bánh, người ta trộn hỗn hợp gạo + lá mơ lông + đường cát, đem hấp, bánh chín có mùi thơm đặc trưng không lẫn với các loại bánh khác. Ngoài ra còn có các loại bánh khác như: bánh tổ, bánh bao chỉ, bánh canh. Món ăn ưa thích của người Hẹ là khoai môn kẹp thịt heo quay, đậu hũ nhồi thịt...

Trang phục truyền thống của người Hoa là áo cổ cao đứng như cổ áo dài, áo quần cùng màu. Áo cổ cao, vai liền, xẻ tà cao, nút thắt, gài nút ở giữa hoặc một bên. Quần lưng rút và nối cạp. Trang phục lễ hội của phụ nữ có áo dài xường xám kín cổ, khuy áo cài lệch về bên phải, thân chít eo và xẻ tà hai bên. Thiếu nữ thì mặc áo ngắn viền lai tròn ôm với thân, mặc với chiếc váy dài xòe rộng ở phía dưới. Đàn ông mặc áo dài rộng xẻ thành hai tà dài tới chân, nút cài một bên như áo dài nam giới của người Việt với các màu đen hoặc xanh bằng gấm... Ngày nay, người Hoa mặc quần áo như người Việt. Trang phục truyền thống (lễ phục của nam giới) chỉ dành cho những dịp tế lễ ở chùa, miếu hay trong các dịp lễ hội.

Đời sống văn hóa tinh thần người Hoa rất phong phú, đa dạng, thể hiện trong phong tục tập quán như: đám cưới, đám tang, ma chay, lễ tết, sinh hoạt văn hóa nghệ thuật...

Một trong những phong tục tiêu biểu của người Hoa là đám cưới. Đám cưới trước kia của người Hoa rất cầu kỳ, ảnh hưởng của chế độ phong kiến Nho giáo phương Đông. Ngày nay, lễ cưới của người Hoa tương tự người Việt được chia làm hai giai đoạn: lễ hỏi và lễ cưới. Khi đôi trai gái ưng nhau và được gia đình hai bên chấp thuận thì người ta so tuổi và nhờ ông mai đi dạm hỏi, làm đám nói (lễ ăn hỏi). Ông mai thỏa thuận về sính lễ, ngày cưới. Trong số lễ vật cưới của người Triều Châu thường có trái cau duy nhất tượng trưng cho người con gái đã là vợ của một người; cũng có cô dâu khi về nhà chồng đem theo cặp cây mía biểu thị hạnh phúc ngọt ngào. Người Quảng Đông thì làm bánh bò nổi (*pha cú*) hoặc tục lệ ăn chè ý (giống bánh trôi viên tròn) tượng trưng cho sự viên mãn, con đàn cháu đống. Đám cưới diễn ra tuần tự ở hai bên nhà trai và nhà gái. Nhà gái đãi khách hôm trước, nhà trai đãi khách hôm sau. Cũng có khi cả hai cùng đãi chung một ngày. Đám cưới ngày nay đơn giản hơn trước rất nhiều, một số nghi thức đã được lược bỏ. Tặng phẩm trong đám cưới được thay bằng phong bao (tiền) giúp cho đôi vợ chồng làm vốn bắt đầu cuộc sống hôn nhân. Khi rước dâu về nhà chồng, có tục cô dâu rót rượu trà mời gia đình bên chồng biểu thị sự kính trọng, vâng phục phép tắc nhà chồng; rót rượu mời chồng đêm tân hôn thể hiện sự đầm ấm chung thủy, phục tùng chồng.

Người Hoa quan niệm rằng chết là từ biệt cõi đời sang thế giới bên kia. Đám tang của người Hoa trước kia gồm các lễ tuần tự sau: *"lễ báo tang, lễ phát tang, lễ khâm liệm, lễ mở đường cho người chết thoát khỏi trần gian, lễ chôn cất, lễ đưa hồn người chết về Tây thiên Phật quốc, lễ đoạn tang"* [73, tr.341]. Người chết được chôn theo những vật dụng thường dùng của họ khi còn sống. Nếu chồng chết trước, vợ chắt đôi đòn gánh, một nửa chôn theo chồng, một nửa cất đi. Sau này người vợ qua đời thì chôn theo để sang thế giới bên kia dễ nhận ra nhau. Muốn cho người chết chóng đoàn tụ với âm hồn tổ tiên và sau lại được đầu thai làm kiếp người, người ta phải làm chay, tức là "tắm rửa" cho hồn người chết sạch sẽ.

Ngày nay, việc ma chay của người Hoa ở Đồng Nai có những nét tương đồng với người Việt ở địa phương. Đám tang gồm các bước: báo tang, phát tang, khâm liệm, phúng điếu, đưa đám tang chôn cất, mở cửa mả... Ở thành phố, thị xã, thị trấn, lúc đưa đám ngoài ban nhạc ngũ âm, đôi với tang chủ khá giả người ta còn thấy có một số ban nhạc tây phục vụ tấu những khúc nhạc sôi động. Trước năm 1995 (chưa có lệnh cấm đốt pháo), đám tang của người Hoa thường có tục đốt pháo để trừ tà ma.

Các tín ngưỡng dân gian của người Hoa như: thờ Thần tài, Táo quân, thần Cửa, Ngọc Hoàng, Tề Thiên, Quan

thánh Đế quân, Thiên Hậu Thánh mẫu, ông Bồn, Phúc Đức Chính thần, các linh vật... Tín ngưỡng người Hoa có ảnh hưởng sâu sắc theo quan niệm của Đạo giáo và Khổng Giáo. Tín ngưỡng rất phong phú, đặc thù của truyền thống văn hóa Trung Hoa.

Qua quá trình khảo sát trên 60 cơ sở tín ngưỡng của người Hoa tại Đồng Nai cho thấy, đối tượng được người Hoa thờ tự chính như: Thiên Hậu Thánh mẫu, Quan Thánh Đế quân, Quảng Trạch Tôn Vương, Nương Tơ thánh mẫu, Ông Bồn, Phúc Đức chính Thần, Địa Mẫu¹, Tổ nghề (Miếu Tổ sư), Thổ thần, Thổ Địa, ông bà Tổ tiên... Bên cạnh những đối tượng thờ chính, người Hoa còn phối tự rất nhiều nhân vật của Trung Hoa như: Quan Âm Bồ Tát, Châu Xương - Quang Bình, Thiên Lý nhân - Thuận Phong nhĩ, Kim Hoa nương nương¹, Ngũ Hành nương nương, Huyền đàn, Thái Tuế, Khổng Tử...

Tất cả đối tượng thờ trên của tín ngưỡng người Hoa được từng tự tại các cơ sở tín ngưỡng dưới tên gọi là Miếu, thường gắn với đối tượng thờ chính bên trong (như Thiên Hậu cở Miếu thờ Bà Thiên Hậu, Miếu Quan Đế thờ Quan Thánh Đế quân, miếu Nương Tơ thờ Nương Tơ

¹ Xin xem chú giải ở phụ lục.

¹ Xin xem chú giải ở phụ lục.

thánh mẫu...). Dựa vào tính chất của đối tượng được tôn thờ cho thấy tín ngưỡng dân gian của người Hoa phần lớn là thờ nhân thần, tức những người sinh thời tính tình cương trực, nhân ái, sau khi chết hiển linh cứu độ chúng sinh. Ngoài ra, đối tượng thờ còn là những vị Tổ nghề như Tổ nghề đá, mộc, rèn tại miếu Tổ Sư hay Tổ dòng họ như nhà thờ họ Lâm...

Ngoài tín ngưỡng dân gian, người Hoa còn theo đạo Phật với đối tượng thờ phổ biến là Phật bà Quan Âm. Đạo Phật ảnh hưởng rất sâu sắc đến đời sống tinh thần của người Hoa. Trong đó, lễ cầu siêu ảnh hưởng từ đạo Phật chi phối mạnh mẽ đến đời sống tâm linh của họ. Hiện nay, có một số ít người Hoa theo đạo Công giáo và đạo Tin lành.

Người Hoa có tục đón năm mới vào tết Nguyên đán. Những lễ hội tiêu biểu của người Hoa như: tết Nguyên tiêu, tết Thanh minh, tết Đoan ngọ, tết Trung nguyên hoặc lễ Vu lan, tết Trung thu, tết Trùng cửu (trùng dương)... Lễ hội lớn của người Hoa ở Đồng Nai đa phần là lễ hội tôn giáo tín ngưỡng. Ngoài những dịp tết và vía đầu năm, những lễ hội còn lại gắn với các đối tượng thờ tự ở cơ sở tín ngưỡng tôn giáo. Đặc biệt lễ hội cầu an, cầu siêu là những lễ hội được tổ chức tại các miếu, chùa,

nghĩa từ, nghĩa trang, tôn từ của người Hoa. Phần lễ ở các cơ sở tín ngưỡng này thường do các chú tăng, pháp sư hoặc Ban Trị sự miếu thực hiện. Còn phần hội có tổ chức đấu giá đèn lồng, hát bội và múa lân sư rồng. Những đội lân nổi tiếng của người Hoa ở Biên Hòa trước đây như Tân Khánh Tường và Đại Khánh Tường phục vụ trong các dịp lễ tết của bà con người Hoa ở địa phương. Hiện nay, các đội lân sư rồng của người Hoa mới thành lập ở huyện Nhơn Trạch cũng thường xuyên biểu diễn trong các lễ hội lớn ở Đồng Nai.



*Ảnh 1: Múa rồng trong lễ hội người Hoa
(Nguồn: Nguyễn Thị Nguyệt)*

Trong quá trình di dân, sinh sống tại Nam Bộ, cộng đồng người Hoa đã trải qua những thời điểm biến động, gặp không ít khó khăn, là nạn nhân của dịch bệnh, chiến tranh... do đó đời sống của họ nói chung từng chịu nhiều bất trắc, đó là một trong các nguyên nhân khiến họ có nhu cầu cao về tôn giáo, tín ngưỡng. Người Hoa quan niệm trong cuộc sống, con người cần đến lực lượng thần linh phù hộ để được sống an thân, không bị ma quỷ quấy phá, làm ăn thuận lợi, xã hội bình yên, điều này phù hợp với trường phái chức năng mà Malinovski từng nhận định: ở đâu có bất trắc, bấp bênh, sẽ có bùa chú, cung kiến. Đây cũng chính là lý do mà người Hoa thường có nhiều nghi lễ cầu an, cầu siêu và rất nhiều lễ vía nhỏ cũng mang ý nghĩa này trong cộng đồng. Trong năm, người Hoa có nhiều nghi thức và lễ hội tín ngưỡng tiêu biểu, đặc thù với ý nghĩa tưởng nhớ công đức của thần linh và cầu mong các thần phù hộ mọi điều may mắn tốt lành, mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an...

1.2.3. Xã hội

Người Hoa luôn có ý thức giữ gìn quan hệ cộng đồng. Tại vùng đất mới, họ sống tập trung theo từng bang hội mục đích để bảo bọc giúp nhau làm ăn, đặc biệt là bảo lưu truyền thống văn hóa của bốn tộc. Họ hợp thành những

đoàn thể có tổ chức với những đại diện do tập thể nhóm bầu ra. Những đoàn thể tùy theo từng nguyên quán, phong tục, nhóm phương ngữ mà lập thành bang. Đại diện có các bang trưởng và bang phó. Nhiệm vụ của đại diện bang là quản lý các bang viên và giúp đỡ chính quyền trong việc kiểm soát.

Thời kỳ đầu vương triều Gia Long, Lưu thủ dinh Trấn Biên phân chia người Hoa ở Biên Hòa ra làm bảy bang: Quảng Đông, Phước Kiến, Triều Châu (còn gọi là Tiều, do hiện tượng biến âm “r” ở Nam bộ), Hải Nam, Hẹ, Phước Châu và Quỳnh Châu. Bảy bang cũng thường được gọi là bảy phủ (*Thất phủ*), gồm: Phúc Châu (tỉnh Phúc Kiến), Chương Châu, Tuyên Châu, Quảng Châu, Triều Châu, Quỳnh Châu (tỉnh Quảng Đông) và Ninh Ba tức Huy Châu (tỉnh Chiết Giang) [65, tr.68], [112, tr.11], [120, tr.49]. Thất Phủ cổ Miếu (tức chùa Ông) ở cù lao Phố hiện nay nguyên là Hội quán của Thất phủ người Hoa ở Biên Hòa (có Bia Thất Phủ võ Miếu khắc năm 1828 ở cơ sở đã di dời).

Năm 1885, Chánh tham biện tỉnh là Laffont tiến hành cải tổ sự quản lý hệ thống người Hoa ở Biên Hòa. Từ bảy bang trước đây được tinh giản lại còn 4 bang như sau: bang Phúc Kiến (gồm bang Phúc Châu và Phúc Kiến sát

nhập); bang Hẹ (gồm bang Hải Nam và Quỳnh Châu nhập lại gồm người Hồ Nam, Hồ Bắc, Hải Nam...); bang Triều Châu và bang Quảng Đông. Mỗi bang có một bang trưởng đứng đầu, có bang phó giúp việc, do các thành viên của bang bầu ra (được chính quyền chấp nhận) theo nhiệm kỳ hoạt động là bốn năm. Nhiệm vụ của bang là thu thuế thân hai năm một lần, ai đóng đủ sẽ được cấp sổ thông hành để đi lại, làm ăn... Sau một nhiệm kỳ quản lý, nếu bang trưởng và bang phó làm tốt và có uy tín sẽ có khả năng tái đắc cử. Bang trưởng được chính quyền địa phương giao nhiệm vụ quản lý mọi thành viên trong bang, chịu trách nhiệm thu thuế và nộp thuế cho chính quyền địa phương, chịu trách nhiệm về thái độ chính trị cũng như đại diện cho tâm tư, nguyện vọng của các thành viên trong bang để đề bạt với chính quyền địa phương. Trên thực tế bang trưởng là người có uy tín, đạo đức và kinh tế khá giả.

Người Hoa vốn bảo lưu quan hệ cộng đồng khá chặt chẽ. Vì vậy, không những họ giỏi làm ăn về kinh tế mà còn có ý thức tổ chức xã hội. Họ xây dựng các công trình công cộng như: chùa, miếu, trường học, nghĩa địa, hội quán, công sở... để tiện sinh hoạt phong tục tập quán truyền thống. Các cơ sở vật chất có thể được xem là những thành quả lao động cần cù của nhiều thế hệ người Hoa ở vùng đất Đồng Nai nơi họ sinh cơ lập nghiệp khá lâu đời.

Có thể nói, tổ chức bang và hội đồng hương là nơi gặp gỡ, bàn bạc việc làm ăn và nếp sinh hoạt văn hóa, xã hội người Hoa. Vì vậy, bên cạnh hội quán, người Hoa thường xây dựng những cơ sở tín ngưỡng sinh hoạt cho cộng đồng. Cơ sở tín ngưỡng tôn giáo là vấn đề quan trọng nhất được người Hoa quan tâm đặt lên hàng đầu. Dù đi đâu, sống ở đâu người Hoa cũng luôn có ý thức xây dựng những cơ sở tín ngưỡng tôn giáo để sinh hoạt, thờ tự. Chùa, miếu là cơ sở tín ngưỡng thường thấy ở địa bàn người Hoa sống tập trung. Đa số những loại miếu thờ người Hoa là miếu thờ đa thần như: miếu Thiên Hậu, miếu Quan Đế, miếu Thổ nghê, miếu Nương Tơ... Đặc biệt, người Hoa có thể sử dụng từ “tự” nhưng tự ở đây không phải chùa Phật mà vẫn là miếu thờ thần, ví dụ như “Phụng Sơn tự” là cơ sở thờ Quảng Trạch Tôn vương chứ không thờ Phật. Những cơ sở này do các Ban quản trị miếu quản lý.

Ở những nơi người Hoa cư trú đều có xây dựng trường học. Đây là một việc làm có ý nghĩa về mặt giáo dục. Người Hoa tổ chức dạy học tiếng Hoa cho con em người Hoa và cả người Việt có nhu cầu học tiếng Hoa. Mục đích vừa nâng cao dân trí cho nhân dân, vừa giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc.

Mỗi bang người Hoa đều có nghĩa trang (nhị tì) riêng. Thông thường, người thuộc bang nào thì khi qua đời được an táng trong nhị tì của bang đó. Các nghĩa trang đều có các ban quản lý điều hành. Người phương Đông quan niệm “*nghĩa từ là nghĩa tận*”, đối với người Hoa, dù có di cư, định cư ở quốc gia khác vẫn giữ được nếp tần tảo làm ăn kiếm sống và coi trọng nơi an nghỉ cuối cùng với các lễ tiết chôn cất rất chu đáo. Các nghĩa trang người Hoa thường rộng lớn, khang trang. Trước nghĩa trang đều xây cổng lớn ghi rõ tên bang, bên trong có nghĩa từ, nghĩa đường, gian thờ bài vị người quá cố. Không chỉ nghĩa trang của người Hoa ở Đồng Nai có ở Biên Hòa mà nhiều nghĩa trang của cộng đồng người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh cũng tọa lạc tại đây như: Triều Châu, Phúc Kiến, Sùng Chính (Hẹ), Quảng Đông...

Năm 1960, chính quyền Sài Gòn ra sắc lệnh (số 123/N.V ngày 10/6/1960) đình chỉ hoạt động chế độ “bang” của người Hoa; chấm dứt vai trò của các chức việc lý sự trường, lý sự phó. Tại Biên Hòa, tài sản của các bang đặt dưới sự quản trị của một Ủy ban (có đại diện của người Hoa và Hoa kiều) do tỉnh trưởng Hồ Văn Sĩ làm Chủ tịch Ủy ban Quản trị tài sản các bang. Song song với sắc lệnh trên, chính quyền Sài Gòn áp dụng một số biện pháp về

văn hóa: Việt hóa tên của Hoa kiều đã nhập quốc tịch; dùng tiếng Việt trên các hiệu buôn, khuyến khích người Hoa học tiếng Việt, trường Dục Đức dạy theo chương trình giáo dục và sách giáo khoa của chính quyền quy định... [120, tr.54].

Hiện nay, người Hoa ở Biên Hòa sinh hoạt tín ngưỡng theo từng nhóm ngôn ngữ. Mỗi nhóm phương ngữ đều có một trụ sở hoạt động gọi là hội quán. Hội quán của nhóm Quảng Đông là miếu Quan Công (nay là trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường Thanh Bình). Hội quán của nhóm Triều Châu nằm trong nghĩa từ Triều Châu (phường Bửu Hòa). Hội quán của nhóm Sùng Chính - Hẹ và Hải Nam là Thiên Hậu cung (phường Hòa Bình). Hội quán chung của các nhóm người Hoa ở Biên Hòa là chùa Ông (Thất phủ cổ miếu) ở xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa. Ông Vương Ngọc Cúc (Trưởng nhóm Phúc Kiến) giữ chức vụ Trưởng ban Liên lạc người Hoa ở thành phố Biên Hòa; các ông Tiêu Sơ (nhóm Quảng Đông), Hồ Xương (nhóm Hẹ), Lý Ngụy (nhóm Triều Châu) là những ủy viên của ban liên lạc.

Nhóm người Hoa đến Đồng Nai sau này, sinh hoạt trong các hội miếu làng, miếu xã, phụ thuộc vào địa bàn cư trú. Bên cạnh các tổ chức này, một số người Hoa còn

sinh hoạt trong các Hội thân tộc, dòng họ với mục đích đoàn kết, giúp đỡ, tương trợ nhau. Những người này có thể là thành viên của các nhóm phương ngữ khác nhưng cùng họ. Hội thân tộc có cơ sở sinh hoạt chung là “tù đường” hay “nhà thờ họ”. Hàng năm có một ngày giỗ chung của cả họ, tập trung đầy đủ những người cùng họ và con cháu. Tại địa bàn huyện Định Quán, có nhiều Hội dòng họ (hội thân tộc hay tông tộc) nhưng duy nhất dòng họ Lâm có đền thờ họ ở ấp 4, xã Phú Lợi - đây cũng là cơ sở đền thờ họ của người Hoa duy nhất ở Đồng Nai. Miếu Quan Đế, thị xã Long Khánh là cơ sở Hội quán chung cho tất cả các nhóm, hội người Hoa đang sinh sống trên địa bàn. Tất cả các tổ chức đoàn thể, xã hội của người Hoa đều có Ban đại diện.

Gia đình người Hoa mang tính phụ hệ gia trưởng phương Đông. Người tộc trưởng có uy quyền đối với các thành viên trong gia đình, dòng họ. Gia đình người Hoa truyền thống là gia đình lớn gồm nhiều thế hệ (ba hoặc bốn) cùng chung sống. *"Nếu năm thế hệ cùng sống dưới một mái nhà (ngũ đại đồng đường) thì gia đình đó được coi là gia đình đại phúc"* [36, tr.727-728]. Ngày nay, gia đình nhỏ thay thế cho gia đình lớn, thường là gia đình hạt nhân gồm hai thế hệ cha mẹ và con cái.

1.3. CÁC VẤN ĐỀ KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN LỄ HỘI CẦU AN, CẦU SIÊU

1.3.1. Các khái niệm liên quan đến đề tài

** Khái niệm về Lễ hội*

Theo từ điển “Văn hóa dân gian” của nhóm tác giả Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo và Nguyễn Vũ: Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa xã hội của một tập thể, một tổ chức thuộc giới, nghề, ngành, hoặc tôn giáo trong phạm vi một địa phương hoặc trong cả nước. Lễ hội gồm có lễ và hội. Lễ để tưởng niệm anh hùng dân tộc, tổ sư một nghề, một đấng thần linh... Hội có những hình thức như: hát, múa, võ... Những lễ hội cổ truyền còn kèm theo nhiều sự cúng tế và các tục cổ. Tại vùng các dân tộc, lễ hội càng thể hiện đậm đà tín ngưỡng dân gian của quần chúng. Hội gắn với lễ, có sự hòa hợp thống nhất thể giới tâm linh và đời sống văn hóa cộng đồng [60, tr.298].

Có thể khái niệm về lễ hội như sau: “*Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa của cộng đồng người, thông qua những nghi lễ và hình thức diễn xướng nhằm biểu đạt lòng sùng kính và những cầu xin đối với thần linh*” [29, tr. 297].

Như vậy, *lễ* là hệ thống các hành vi thể hiện mối quan hệ giữa con người với thần linh, nhằm biểu hiện lòng tôn

kính của con người đối với các thần, lực lượng siêu nhiên. Còn *hội* thiên về mối quan hệ giữa người với người, phản ánh những nguyện vọng ước mơ, chính đáng của con người trước cuộc sống đầy rẫy những khó khăn mà bản thân họ chưa có khả năng khắc phục, vượt qua được.

Hội còn là một hệ thống trò chơi, trò diễn phong phú và đa dạng của cộng đồng thể hiện trong phạm vi không gian và thời gian tổ chức lễ. Nếu như *lễ* là một hệ thống tĩnh, có tính quy phạm nghiêm ngặt, được cử hành tại cơ sở tín ngưỡng, nhà sinh hoạt cộng đồng thì trái lại, *hội* là một sinh hoạt dân dã phóng khoáng, diễn ra bên ngoài cơ sở tín ngưỡng để cộng đồng cư dân cùng bình đẳng vui chơi với hàng loạt trò diễn mang tính giải trí hấp dẫn mà những người trong cộng đồng trực tiếp tham gia.

Tóm lại, *lễ hội* là hoạt động của một tập thể người, một nhóm người, là một hiện tượng của xã hội trải qua nhiều thời kỳ lịch sử, lưu chuyển theo thời gian. Lễ hội là dịp thể hiện tâm tư, nguyện vọng của con người đối với thần thánh, thế giới thần linh. “*Lễ hội không chỉ là môi trường cộng cảm văn hóa mà còn là môi trường nhập thân và truyền giao văn hóa giữa các thế hệ đảm bảo và thống nhất văn hóa cộng đồng giữa thế hệ, này với thế hệ khác*” [132, tr.28].

**** Khái niệm về cầu an, cầu siêu và lễ hội cầu an, cầu siêu***

Theo Từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê (chủ biên), Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Ngôn ngữ học, Nhà xuất bản Khoa học xã hội Hà Nội năm 1988 định nghĩa:

- *Cầu an (đg)*: Mong được yên thân mà thôi (*Sống cầu an*) [90, tr.143].

Theo giáo lý Phật giáo, cầu an là cầu nguyện cho người thân của mình hoặc chính bản thân mình được an lành, vượt qua các tai ương hoạn nạn. Cầu an cũng thể hiện mối quan tâm lo lắng và thương yêu giúp đỡ tha nhân trong lúc mình không thể làm gì khác hơn ngoài cầu nguyện. Như câu cầu an cũng nói lên tinh thần đạo đức của người Phật tử khi đứng trước nỗi bất hạnh của kẻ khác [142].

- *Cầu siêu (đg)*: Cầu xin cho linh hồn người chết được siêu thoát, theo đạo Phật (*Làm lễ cầu siêu ở chùa*) [90, tr.144].

Cầu siêu là cầu nguyện cho ông bà, cha mẹ, thân quyến đã qua đời được siêu thoát, được an lành ở thế giới bên kia. Như vậy, cầu siêu là biểu lộ sự quan tâm lo lắng, sự thương yêu, giúp đỡ cho người thân của mình. Sự quan

tâm đối với người đã chết qua cầu nguyện. Nhu cầu và thực hành nói lên nhân sinh quan và vũ trụ quan của Phật giáo vừa nhân bản vừa chấp nhận ngoài thế giới hiện hữu còn có thế giới vô hình.

Cầu siêu cho ông bà, cha mẹ còn có ý nghĩa bày tỏ lòng tri ân và báo ân đối với các bậc tiền nhân. Sự biết ơn là một đức tính tốt, hiền thiện, đạo đức xã hội, là nét văn hóa văn minh của loài người, biểu hiện sự biết ơn cội nguồn của mình. Cầu nguyện, cúng bái mong cho cha mẹ được siêu thoát là sự hiếu thảo của con cái, sự kính trọng người già, sự thương yêu nhau của đồng loại.

Cầu siêu là cầu nguyện Tam bảo phù hộ cho linh hồn đã mất được nhẹ nhàng siêu thoát ở thế giới bên kia, được về cõi cực lạc của đức Phật. Trong kinh Địa Tạng có đề cập đến tác dụng cầu siêu cho người chết rằng: khi tụng kinh Địa Tạng cầu nguyện công đức có 7 phần, thì người tụng được sáu phần, người chết được một phần. Bởi vì khi tụng kinh Tam nghiệp thanh tịnh công đức phát sinh có ở người tụng trước tức là người xuất sinh công đức, rồi mới đến người chết được hưởng sau [142].

Kinh Vu Lan đề cập đến sức mạnh chú nguyện của chư tăng, nhờ chư tăng mà bà Thanh Đề thoát khổ, năng lượng của Tăng là năng lượng tập thể nên có tác dụng lớn,

tạo ảnh hưởng mạnh mẽ siêu độ cho linh hồn thoát khổ. Kinh Địa Tạng cũng giúp cho người chết thoát khổ bằng cách sử dụng tài sản của mình vào việc công ích, bổ thí, cúng dường hồi hướng sẽ cho họ được lợi ích lớn.

Mục đích cầu an, cầu siêu là mang lợi ích đến cho kẻ chết, người sống, tăng sự lành, giảm sự xui xẻo, củng cố tâm linh và niềm tin đối với lực lượng siêu nhiên.

- Lễ hội cầu an, cầu siêu

Lễ hội cầu an, cầu siêu thường được tiến hành dưới dạng nghi lễ tôn giáo hay nghi lễ thế tục hoặc cả hai. Nghi lễ thế tục ở một phạm vi nào đó là phong tục tập quán, là quy ước lập đi lập lại thành thói quen ăn sâu thành nếp trong tâm thức con người, tạo sự bền vững trong cộng đồng. Lễ hội cầu an và cầu siêu được tiến hành nhằm mong ước đem lại sự bình an cho người còn sống và siêu độ âm hồn người quá vãng (theo quan niệm của người sống).

Lễ hội cầu an, cầu siêu là hệ thống lễ hội phức tạp, đa dạng nhưng nội dung rất lý thú, thể hiện đặc trưng văn hóa tộc người. Lễ hội này được người Hoa tổ chức gắn liền với bối cảnh kinh tế - văn hóa - xã hội trong đời sống của họ. Có những lễ hội được lưu truyền trong lịch sử theo truyền

thống văn hóa dân tộc nhưng cũng có những lễ hội mới được người Hoa dung nạp. Lễ hội cầu an, cầu siêu của người Hoa ở Đồng Nai gắn liền với quá trình phát triển cộng đồng về kinh tế và văn hóa. Trong hoàn cảnh đời sống khó khăn, nhiều rủi ro, người ta tổ chức lễ hội để nhằm cầu mong sự may mắn, làm ăn được thịnh vượng. Trong điều kiện kinh tế phát triển, lễ hội nhằm mục đích tạ ơn thần linh đã ban cho họ cuộc sống tốt đẹp. Mặt khác, khi kinh tế phát triển mạnh, người Hoa tổ chức lễ hội còn nhằm phát huy thanh thế cộng đồng mình trong xã hội. Lễ hội cầu an, cầu siêu người Hoa được tổ chức còn mang ý nghĩa giữ gìn, bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc, đáp ứng nhu cầu cuộc sống. Tính chất của lễ hội cầu an là cầu bình yên cho người sống và lễ cầu siêu là cầu cho vong linh người đã khuất trong đó có tổ tiên, để họ không còn quấy nhiễu, ảnh hưởng tới cuộc sống con người. Cả hai lễ cầu an và cầu siêu đều nhằm đạt tới sự an toàn và thịnh vượng cho cộng đồng xã hội.

Như vậy, theo các định nghĩa như trên thì lễ hội cầu an, cầu siêu là những cách thức (bao gồm cả lễ và hội) tiến hành một nghi lễ nhằm đem lại sự yên ổn cho người sống và mong siêu độ cho linh hồn người chết.